

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II SINH 11 NĂM HỌC 2023-2024

I. Nội dung ôn tập

1. Cảm ứng ở sinh vật

- Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.
- Trình bày được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật.
- Trình bày được cơ chế cảm ứng ở sinh vật: thu nhận kích thích, dẫn truyền kích thích, phân tích và tổng hợp, trả lời kích thích.

2. Cảm ứng ở thực vật

- Nêu được khái niệm cảm ứng ở thực vật.
- Trình bày được đặc điểm cảm ứng ở thực vật
- Nêu được một số hình thức biểu hiện của cảm ứng ở thực vật: vận động hướng động và vận động cảm ứng.
- Nêu được khái niệm cảm ứng ở thực vật.
- Trình bày được đặc điểm cảm ứng ở thực vật
- Nêu được một số hình thức biểu hiện của cảm ứng ở thực vật: vận động hướng động và vận động cảm ứng.
- Trình bày được cơ chế cảm ứng ở thực vật.
- Phân tích được vai trò cảm ứng đối với thực vật.
- Thông qua thực hành mô tả được hiện tượng cảm ứng ở một số loài cây.
- Vận dụng được hiểu biết về cảm ứng ở thực vật để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.
- Thiết kế được thí nghiệm về cảm ứng ở một số loài cây.

3. Cảm ứng ở động vật

- Các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau

Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ), phân biệt được hệ thần kinh dạng ống với hệ thần kinh dạng lưới và dạng chuỗi hạch.

- Cơ chế cảm ứng ở động vật có hệ thần kinh: Dựa vào hình vẽ, nêu được cấu tạo của tế bào thần kinh.
- Dựa vào hình vẽ, nêu được chức năng của tế bào thần kinh.
- Dựa vào sơ đồ, mô tả được cấu tạo synapse.
- Dựa vào sơ đồ, mô tả được quá trình truyền tin qua synapse.
- Nêu được khái niệm phản xạ.

- Nêu được các dạng thụ thể.
- Nêu được vai trò của các thụ thể (các thụ thể cảm giác về: cơ học, hoá học, điện, nhiệt, đau).
- Nêu được vai trò các cảm giác vị giác, xúc giác và khứu giác trong cung phản xạ.
- Dựa vào sơ đồ, phân tích được một cung phản xạ (các thụ thể, dẫn truyền, phân tích, đáp ứng).
- Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện:
 - + Nêu được đặc điểm và phân loại được phản xạ không điều kiện. Lấy được các ví dụ minh họa.
 - + Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện. Lấy được các ví dụ minh họa.
- Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh như mất khả năng vận động, mất khả năng cảm giác...
- Phân tích được cơ chế thu nhận và phản ứng kích thích của các cơ quan cảm giác (tai, mắt).
 - Tập tính ở động vật:
- Nêu được khái niệm tập tính ở động vật.
- Nêu được một số hình thức học tập ở động vật.
- Lấy được một số ví dụ minh họa các dạng tập tính ở động vật.
- Phân biệt được tập tính bẩm sinh và tập tính học được.
- Lấy được ví dụ minh họa về tập tính bẩm sinh.
- Lấy được ví dụ minh họa về tập tính học được.
- Lấy được ví dụ minh họa về một số hình thức học tập ở động vật.
- Thông qua quan sát, mô tả được tập tính của một số động vật.

4. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật

- Nêu được khái niệm sinh trưởng ở sinh vật.
- Nêu được khái niệm phát triển ở sinh vật.
- Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng ở sinh vật: tăng khối lượng và kích thước tế bào; tăng số lượng tế bào.
- Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của phát triển ở sinh vật:
 - + Phân hoá tế bào và phát sinh hình thái;
 - + Chức năng sinh lí;
 - + Điều hoà.

- Nêu được khái niệm vòng đời của sinh vật.
- Nêu được khái niệm tuổi thọ của sinh vật.
- Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người.
- Lấy được ví dụ minh họa về tuổi thọ sinh vật.
- Nêu được đặc điểm sinh trưởng ở thực vật.
- Nêu được đặc điểm phát triển ở thực vật.
- Nêu được khái niệm mô phân sinh.
- Nêu được khái niệm hormone thực vật.
- Nêu được vai trò hormone thực vật.

5. Sinh trưởng và phát triển ở thực vật

- Trình bày được vai trò của mô phân sinh đối với sinh trưởng ở thực vật.
- Phân biệt được các loại mô phân sinh.
- Trình bày được quá trình sinh trưởng sơ cấp ở thực vật.
- Trình bày được quá trình sinh trưởng thứ cấp ở thực vật.
- Phân biệt được các loại hormone kích thích tăng trưởng và hormone ức chế tăng trưởng.
- Trình bày được sự tương quan các hormone thực vật.
- Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được quá trình phát triển ở thực vật có hoa.
- Trình bày được các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa.
- Nêu được ví dụ minh họa về sự tương quan các hormone thực vật.
- Lấy được ví dụ minh họa về các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa.
- Phân tích được một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật.

II. Một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1 : Quá trình truyền tin qua synapse diễn ra theo trật tự sau:

- A. Khe synapse → Màng trước synapse → Chuỳ synapse → Màng sau synapse.
- B. Màng trước synapse → Chuỳ synapse → Khe synapse → Màng sau synapse.
- C. Màng sau synapse → Khe synapse → Chuỳ synapse → Màng trước synapse.
- D. Chuỳ synapse → Màng trước synapse → Khe synapse → Màng sau synapse.**

Câu 2 : Ví dụ nào sau đây là phản xạ có điều kiện ở người?

- A. Nghe nói đến quả mơ tiết nước bọt.**
- B. Ăn cơm tiết nước bọt.
- C. Em bé co ngón tay lại khi bị kim châm.
- D. Trời lạnh nổi da gà.

Câu 3 : Sơ đồ cơ sở thần kinh của tập tính là

- A. kích thích → hệ thần kinh → cơ quan thụ cảm → cơ quan thực hiện → hành động.
B. kích thích → cơ quan thụ cảm → cơ quan thực hiện → hệ thần kinh → hành động.
C. kích thích → cơ quan thực hiện → hệ thần kinh → cơ quan thụ cảm → hành động.
D. kích thích → cơ quan thụ cảm → hệ thần kinh → cơ quan thực hiện → hành động .

Câu 4 : Nếu thả 1 hòn đá nhỏ bên cạnh con rùa, rùa sẽ rút đầu và chân vào mai. Lặp lại hành động đó nhiều lần thì rùa sẽ không rút đầu và chân vào mai nữa. Đây là 1 ví dụ về hình thức học tập

- A. in vết. **B. quen nhờn.** C. học ngầm. D. học khôn.

Câu 5: Ve sầu kêu vào mùa hè oi ả, ếch đực kêu vào mùa sinh sản là tập tính

- A. học được. **B. bẩm sinh.** C. hỗn hợp. D.vừa bẩm sinh, vừa hỗn hợp.

Câu 6: Tinh tinh xếp các hòm gỗ chồng lên nhau để lấy chuối trên cao là kiểu học tập

- A. điều kiện hóa hành động. **B. nhận thức và giải quyết vấn đề.** C. học xã hội. D. điều kiện hóa đáp ứng.

Câu 7: Sinh trưởng là gì?

- A. Quá trình tăng kích thước và tuổi của vật
B. Quá trình tăng kích thước và khối lượng cơ thể
C. Quá trình tăng trọng lượng và tuổi tác của vật
D. Toàn bộ các quá trình biến đổi trong cơ thể sinh vật.

Câu 8 : Để thúc hoa mai nở rộ vào dịp tết, người ta thường

- A. tưới lá** B. chiếu đèn ban đêm. C. tỉa cành. D. bón nhiều phân đạm.

Câu 9: Sinh trưởng sơ cấp của cây là:

- A. Sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều dài do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.**
B. Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động phân hoá của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm
C. Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây hai lá mầm.
D. Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây một lá mầm.

Câu 10: Sinh trưởng thứ cấp là sự tăng trưởng bề ngang của cây

- A. do mô phân sinh bên của cây thân thảo tạo ra
- B. do mô phân sinh bên của cây thân gỗ tạo ra**
- C. do mô phân sinh bên của cây Một lá mầm tạo ra
- D. do mô phân sinh lóng của cây tạo ra

Câu 11: Quá trình nào sau đây là quá trình sinh trưởng của thực vật?

- A. Cơ thể thực vật ra hoa
- B. Cơ thể thực vật tạo hạt
- C. Cơ thể thực vật tăng kích thước**
- D. Cơ thể thực vật rụng lá, hoa

Câu 12: Khi nói về tính hướng động của ngọn cây thì phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Ngọn cây có tính hướng đất âm, hướng sáng dương**
- B. Ngọn cây có tính hướng đất dương, hướng sáng âm
- C. Ngọn cây có tính hướng đất âm, hướng sáng âm
- D. Ngọn cây có tính hướng đất dương, hướng sáng dương

Câu 13: Vận động hướng động của thực vật có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sự vận động trả lời các tác nhân kích thích không định hướng.
- B. Hướng động của cây phụ thuộc vào hướng của tác nhân kích thích.**
- C. Hướng động của cây không phụ thuộc vào hướng của tác nhân kích thích.
- D. Sự vận động phụ thuộc vào hàm lượng nước bên trong tế bào.

Câu 14: Nguyên nhân của hiện tượng thân cây khi mọc luôn vươn về phía có ánh sáng là:

- A. Auxin phân bố tập trung ở đỉnh chồi.
- B. Auxin phân bố đồng đều ở hai phía sáng và tối của cây.
- C. Auxin phân bố nhiều hơn về phía sáng của cây.
- D. Auxin phân bố nhiều hơn về phía tối của cây.**

Câu 15: Các cơ quan cảm giác là:

- A. Thị, vị, khứu, thính, xúc giác**
- B. Thị, vị, khứu, thính, tâm giác
- C. Thị, vị, khứu, thính, tam giác
- D. Thị, vị, khứu, thính, cơ giác

Câu 16: Thuộc loại phản xạ không điều kiện là

- A. nghe tiếng gọi “chích chích”, gà chạy tới.
- B. nhìn thấy quả chanh ta tiết nước bọt.
- C. nhìn thấy con quạ bay trên trời, gà con nấp vào cánh gà mẹ.
- D. trời lạnh môi tím tái, chân tay run.**

Câu 17: Tập tính động vật là:

- A. Chuỗi những phản ứng trả lời lại các kích thích của môi trường, nhờ đó mà động vật tồn tại và phát triển.**
- B. Các phản xạ có điều kiện của động vật học được trong quá trình sống.
- C. Các phản xạ không điều kiện, mang tính bẩm sinh của động vật, giúp chúng được bảo vệ.
- D. Các phản xạ không điều kiện, nhưng được sự can thiệp của não hộ.

Câu 18: Hươu đực quệt dịch có mùi đặc biệt tiết ra từ tuyến cạnh mắt của nó vào cành cây để thông báo cho các con đực khác là tập tính:

- A. kiếm ăn. B. sinh sản. C. di cư. **D. bảo vệ lãnh thổ**

Câu 19: Tuổi thọ của sinh vật là?

- A. Thời gian tán tỉnh bạn tình của sinh vật
B. Thời gian sinh con của sinh vật
C. Thời gian mà sinh vật chết
D. Thời gian sống của sinh vật

Câu 20: Mô phân sinh là?

- A. Nhóm tế bào phân hóa, không có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật
B. Nhóm tế bào chưa phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật
C. Nhóm tế bào chưa phân hóa, không có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật
D. Nhóm tế bào chưa phân hóa, có khả năng kết hợp tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật

Câu 21: Hoocmôn thực vật :

- A. là các chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng điều tiết hoạt động sống của cây**
B. là các chất hữu cơ do cơ thể thực vật nhận từ ngoài vào có tác dụng điều tiết hoạt động sống của cây
C. là các chất hữu cơ do cơ thể thực vật nhận từ ngoài có tác dụng kháng bệnh cho cây
D. là các chất hữu cơ do cơ thể thực vật nhận từ ngoài chỉ có tác dụng kích thích sinh trưởng của cây.

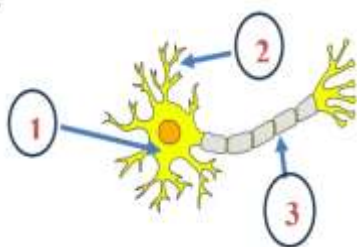
Câu 22: Cảm ứng ở thực vật là:

- A. sự tiếp nhận các kích thích từ môi trường
B. sự tiếp nhận và trả lời của thực vật đối với các kích thích từ môi trường
C. phản ứng của cơ quan thực vật trước tác động của môi trường
D. sự vận động định hướng của thực vật trước môi trường

Câu 23: Phát biểu *sai* khi nói về cơ chế hướng động là:

- A. Các tác nhân kích thích tác động theo một hướng xác định lên các thụ thể.
B. Cơ chế hướng động liên quan đến hormone auxin ở thực vật.
C. Các tế bào rễ có độ nhạy cảm cao hơn đối với auxin so với tế bào ở thân.
D. Tốc độ dẫn dài của bộ phận đáp ứng đồng đều giữa các tế bào ở hai phía.

Câu 24: Nhìn hình vẽ mô tả cấu tạo của tế bào thần kinh, cho biết bộ phận 1,2,3 lần lượt là:



- A. sợi nhánh, thân, sợi trục
B. thân, sợi nhánh, sợi trục
C. sợi trục, thân, sợi nhánh
D. sợi nhánh, thân, chùy xinap

Câu 25: Cho các thông tin sau:

- Giun dẹp (a) hệ thần kinh dạng lưới

Lưỡng cư (b) hệ thần kinh dạng ống
Ruột khoang © hệ thần kinh dạng chuỗi hạch
Hãy sắp xếp các đại diện sinh vật với hệ thần kinh phù hợp
A. 1a,2b,3c B. 1b,2c,3a C. 1c,2a,3b

D. 1c,2b,3a

Câu 26: Tập tính của động vật là:

A. những hành động của động vật trả lời lại kích thích từ môi trường trong cơ thể đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển.
B. những hành động của động vật trả lời lại kích thích từ môi trường bên ngoài, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển

C. những hành động của động vật trả lời lại kích thích từ môi trường trong và ngoài, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển

D. phản ứng của động vật trước sự thay đổi của các điều kiện môi trường khác nhau

Câu 27: Các hình thức học tập của động vật *không* bao gồm:

A. quen nhờn, in vết, nhận thức và giải quyết vấn đề
B. học liên kết, học xã hội
C. học cách nhận biết không gian và các bản đồ nhận thức

D. Học liên tục, nhận thức và hiểu biết vấn đề

Câu 28: Điều *không phải* là ví dụ minh họa tập tính ở động vật:

A. Cá hồi di cư hàng năm về sông để đẻ trứng
B. Sư tử săn mồi theo bầy đàn
C. Vịt con mới nở thường đi theo con vật đầu tiên mà nó nhìn thấy
D. Chim công đực xòe cánh và nhảy múa để thu hút bạn tình

Câu 29: Đây là ví dụ về tập tính học được:

A. em bé sinh ra đã biết khóc B. Nhện biết giăng tơ để bắt con mồi

C. Khi biết sử dụng ống hút để hút nước dừa D. Khi ăn me, nước bọt tự động tiết ra

Câu 30: Chọn thông tin (1) và (2) cho phù hợp với nội dung sau

Sinh trưởng và phát triển ở thực vật diễn ra tại một số cơ quan trên cơ thể như ngọn thân, đỉnh cành, chóp rễ nơi có các....(1)... Quá trình này diễn ra trong suốt đời sống thực vật, biểu hiện bằng sự gia tăng kích thước, sự xuất hiện và thay mới....(2)...

A. (1) cơ quan như cành, lá, rễ, hoa, quả; (2) các mô phân sinh
B. (1) tế bào phân sinh; (2) các cơ quan như cành, lá, rễ, hoa, quả
C. (1) tế bào phân sinh; (2) các mô phân sinh

D. (1) mô phân sinh ; (2) các cơ quan như cành, lá, rễ, hoa, quả

Câu 31: Loại mô phân sinh chỉ có ở cây một lá mầm là:

A. Lóng B. Đỉnh C. Bên D. Ngọn

Câu 32: Tương quan giữa GA/AAB điều tiết sinh lý của hạt như thế nào?

A. Trong hạt nảy mầm, AAB đạt trị số lớn hơn GA

B. Trong hạt khô, GA và AAB đạt trị số ngang nhau
C. Trong hạt khô, GA đạt trị số cực đại, AAB rất thấp. Trong hạt nảy mầm GA tăng nhanh, giảm xuống rất mạnh; còn AAB đạt trị số cực đại
D. Trong hạt khô, GA rất thấp, AAB đạt trị số cực đại. Trong hạt nảy mầm GA tăng nhanh, đạt trị số cực đại còn AAB giảm xuống rất mạnh

Câu 33: Phát biểu đúng về mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng là

A. mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây Một lá mầm
B. mô phân sinh bên có ở thân cây Một lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây Hai lá mầm

C. mô phân sinh bên có ở thân cây Hai lá mầm, còn mô phân sinh nóng có ở thân cây Một lá mầm

D. mô phân sinh bên và mô phân sinh nóng có ở thân cây Hai lá mầm

Câu 34: Phát triển ở thực vật là toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kỳ sống của cá thể biểu hiện qua

A. hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể

B. ba quá trình không liên quan với nhau: sinh trưởng, phân hóa và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể

C. ba quá trình liên quan với nhau là sinh trưởng, phân hóa và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể

D. hai quá trình liên quan với nhau: phân hóa và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể

Câu 35: Xitôkinin có tác dụng kích thích nguyên phân ở mô phân sinh và

A. phát triển chồi bên, làm tăng sự hóa già của tế bào

B. Phát triển chồi bên, làm chậm sự hóa già của tế bào

C. làm chậm sự phát triển của chồi bên và sự hóa già của tế bào

D. làm chậm sự phát triển của chồi bên, làm chậm sự hóa già của tế bào

Hết